

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người vợ trong quyết định làm kinh tế ở gia đình dân tộc Chăm (Ninh Thuận) hiện nay

Trần Thị Thanh Loan*

Tóm tắt: Vận dụng các cách tiếp cận hiện đại hóa, phân bổ nguồn lực tương đối, văn hóa và phương pháp phân tích đa biến, bài viết kiểm chứng ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế-xã hội, văn hóa đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế trong gia đình dựa trên số liệu khảo sát của Đề tài “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” năm 2017-2020 thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia về “Những vấn đề cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030” và kết quả khảo sát của Đề tài cấp Cơ sở năm 2020 “Quyền quyết định của phụ nữ và nam giới trong gia đình người dân tộc Chăm ở Ninh Thuận” của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. Kết quả cho thấy, đa số người vợ đã tham gia vào các việc quyết định làm kinh tế trong gia đình. Tuy nhiên, khả năng tham gia quyết định làm kinh tế nhiều hơn ở nhóm người vợ có chồng ở độ tuổi 31-40 và ở nhóm có chồng đã từng tham gia các buổi họp/tập huấn/tuyên truyền liên quan đến nội dung bình đẳng giới; Khả năng tham gia quyết định của người vợ giảm khi thu nhập của người vợ thấp hơn chồng và vợ/chồng có quan điểm người chồng nên là người quyết định việc sản xuất/kinh doanh của gia đình.

Từ khóa: Gia đình; Quan hệ vợ chồng; Quyền quyết định trong gia đình; Bình đẳng giới trong gia đình; Dân tộc Chăm.

Ngày nhận bài: 15/3/2021; ngày chỉnh sửa: 7/5/2021; ngày duyệt đăng: 25/8/2021.

* ThS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Mở đầu

Sự tham gia quyết định là một chỉ báo quan trọng về địa vị và quyền lực của vợ và chồng trong gia đình. Khi xem xét chủ đề ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình, các nhà xã hội học đã cố gắng giải thích tại sao trong hoạt động này người chồng là người có tiếng nói quyết định nhưng trong một số hoạt động khác người vợ lại là người quyết định, từ nhiều quan điểm khác nhau. Lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối tập trung vào khía cạnh kinh tế với những yếu tố ảnh hưởng như học vấn, nghề nghiệp và thu nhập. Một số kết quả nghiên cứu đã cho thấy sự tác động của yếu tố thu nhập đến việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình. Ví dụ các cặp vợ chồng ở Đan Mạch và Hoa Kỳ cho rằng họ bình đẳng trong việc ra quyết định các vấn đề gia đình nhưng sự đóng góp nguồn lực của vợ và chồng vẫn có ảnh hưởng đến cán cân quyền lực. Hay dữ liệu nghiên cứu từ Chile, Mexico và Panama cũng khẳng định giữa vợ và chồng ai đóng góp nhiều hơn cho gia đình sẽ có quyền lực hơn. Nghiên cứu tại các nước có sự kết hợp giữa hiện đại và truyền thống như Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Israel, Rumani, Nga, Trung Quốc chỉ ra rằng, phụ nữ có cơ hội bàn bạc với chồng về việc quyết định các vấn đề gia đình, và sự đóng góp của họ cho kinh tế gia đình có ảnh hưởng đến quyền lực của họ trong gia đình (dẫn theo Trần Hạnh Minh Phương, 2017).

Tuy nhiên, một số kết quả nghiên cứu khác lại thể hiện thu nhập không có ý nghĩa như nhau đối với người vợ và người chồng, người vợ có thu nhập và uy tín cao hơn chồng thì vẫn không có sự bình đẳng trong gia đình. Bàn về quyền quyết định giữa vợ và chồng trong hoạt động mua sắm trong gia đình, tác giả Rydstrom (2003) nhận định, cho dù người vợ là người quyết định chính trong các khoản chi tiêu nhỏ hàng ngày và kể cả họ là người giữ hầu bao của gia đình thì trong mua sắm đồ đạc đắt tiền họ vẫn là người có ít quyền quyết định nhất (dẫn theo Phạm Thị Huệ, 2008). Gia đình người Chăm ở Ninh Thuận là gia đình mẫu hệ phụ quyền. Trong gia đình người vợ là người nắm giữ tài chính vì người chồng không phải là người chủ động trong hôn nhân, nơi cư trú và của cải trong gia đình... (Quảng Đại Tuyên, 2009). Theo chế độ mẫu hệ, người đàn ông đi lấy vợ sẽ đem lại cho vợ món của hồi môn rất quý giá là khả năng lao động (Lý Tùng Hiếu, 2012), vì vậy, trong các hoạt động kinh tế gia đình như làm nông, làm rẫy hay chăn nuôi... thì người chồng là người giữ vai trò chủ đạo (Po Dharma, 2015; Đạo Văn Chi, 2016) cũng vì thế mà người chồng có nhiều quyền chủ động so với người vợ (Lý Tùng Hiếu, 2012).

Như vậy, qua các nghiên cứu đã có cho thấy việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình không chỉ bị chi phối bởi các nguồn lực vật chất mà còn

bị ảnh hưởng bởi quan niệm của tiểu nền văn hóa mà nó thuộc về. Thực tế chỉ ra rằng, theo đặc tính văn hóa và trình độ phát triển kinh tế xã hội của từng dân tộc, lại quy định những biểu hiện địa vị phụ nữ cao thấp khác nhau theo tương quan giữa các nhóm dân tộc và yếu tố văn hoá có quan hệ rất lớn đến vấn đề phát triển kinh tế. Vì vậy, việc xem xét việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình nói chung và trong hoạt động làm kinh tế của gia đình nói riêng ở nhóm dân tộc Chăm là hết sức có ý nghĩa. Bởi lẽ, việc phát triển kinh tế của người Chăm nói chung vẫn còn chịu ảnh hưởng của những giá trị truyền thống. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chế độ mẫu hệ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế của người Chăm. Câu hỏi đặt ra là trong gia đình người Chăm (Ninh Thuận) sự tham gia của người vợ trong việc làm ăn kinh tế của gia đình như thế nào? Những yếu tố nào tác động đến sự tham gia của người vợ? Người vợ được tham gia nhiều hơn vào việc quyết định phải chăng là dựa trên đặc trưng văn hóa mẫu hệ hay vì một lý do nào khác? Để trả lời cho các câu hỏi trên, tác giả lựa chọn dân tộc Chăm (Ninh Thuận) để phân tích.

2. Cách tiếp cận

Các nhà xã hội học phát hiện ra rằng thái độ và hành vi của cá nhân bị chi phối bởi nền văn hóa mà họ sinh sống. Ở các nền văn hóa khác nhau thì sự ảnh hưởng của các nguồn lực vật chất đến quyền quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình cũng rất khác nhau (John J. Macionis, 1987). Nussbaum (1999) nhận định rằng, đối với phụ nữ các giá trị và quy tắc văn hóa, xã hội có ý nghĩa lớn hơn nam giới, do hành vi của giới nữ thường bị kiểm soát chặt chẽ hơn bởi dư luận xã hội và gia đình. Leung và Bond (2004) cũng khẳng định, niềm tin, quy tắc, và kỳ vọng đối với các cá nhân trong một xã hội chịu ảnh hưởng bởi văn hóa và có thể ảnh hưởng đến sự tiến bộ của phụ nữ (dẫn theo Nguyễn Hữu Minh, 2020). Do vậy, nghiên cứu về sự tham gia của người vợ trong việc ra quyết định các vấn đề của gia đình cần phải đặt vào trong bối cảnh văn hóa để xem xét và nhận định. Cách tiếp cận văn hóa sẽ giúp nhà nghiên cứu soi sáng cách các chuẩn mực đó được chấp nhận và duy trì ra sao.

Cách tiếp cận hiện đại hóa (Goode, 1963, 1982, 1987) chỉ rõ rằng dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc ra quyết định về các công việc gia đình sẽ tiến tới bình đẳng hơn. Các yếu tố gắn với quá trình hiện đại hóa chính là học vấn tăng lên, cơ hội hoạt động nghề nghiệp ngoài phạm vi gia đình và có trình độ chuyên môn cao. Giả thuyết thực nghiệm được đặt ra là những người có học vấn cao, có nghề nghiệp ngoài gia đình với trình độ chuyên môn cao hơn sẽ bình đẳng hơn trong các quyết định gia đình. Những người trẻ tuổi được xem là những người đi tiên phong trong việc tiếp nhận cái mới, họ mang

những đặc trưng hiện đại hơn và do đó cũng được giả định là sẽ ủng hộ một quan hệ bình đẳng hơn trong việc đưa ra các quyết định gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2020).

Do về quyền lực giữa vợ và chồng trong gia đình, lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối của Robert Blood và Donald Wolfe (1978) cho rằng, ba nguồn lực quan trọng quyết định cán cân quyền lực là: thu nhập, ưu thế nghề nghiệp và trình độ học vấn. Theo lý thuyết này, quyền quyết định trong gia đình là kết quả từ sự đóng góp của các nguồn lực đến các mối quan hệ. Vợ hoặc chồng người nào có đóng góp nhiều hơn sẽ có quyền quyết định lớn hơn (dẫn theo Phạm Thị Huệ, 2008; Trần Hạnh Minh Phương, 2017).

3. Nguồn số liệu, phương pháp phân tích và các biến số

Bài viết dựa trên số liệu khảo sát năm 2018-2019 của Đề tài cấp Quốc gia “Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta” thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 về “Những vấn đề cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, thông qua việc phỏng vấn bằng bảng hỏi đối với 250 đại diện hộ gia đình ở Ninh Thuận. Bên cạnh đó, để lý giải rõ hơn thực trạng và các yếu tố tác động đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở gia đình người Chăm, bài viết đồng thời sử dụng kết quả khảo sát của Đề tài cấp Cơ sở 2020 “Quyền quyết định của phụ nữ và nam giới trong gia đình người dân tộc Chăm ở Ninh Thuận” với 20 phỏng vấn sâu đại diện hộ gia đình và 2 thảo luận nhóm - những trường hợp nam/nữ được lựa chọn chủ đích trong tổng số 250 trường hợp đại diện hộ gia đình trong cuộc khảo sát của Đề tài cấp Quốc gia (đã đề cập ở trên).

Phương pháp phân tích

Dựa trên câu hỏi “Trong gia đình ông/bà, phụ nữ hay nam giới là người quyết định chính việc làm kinh tế?” với các phương án trả lời (1) Nam; (2) Nữ; (3) Cả hai, bài viết tập trung tìm hiểu sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình trong nhóm hộ gia đình có từ 1 đến 2 thế hệ, do đó các câu trả lời của nam giới có thể được coi là câu trả lời của người chồng và câu trả lời của phụ nữ được coi là câu trả lời của người vợ. Những trường hợp người vợ là người quyết định độc lập và người vợ cùng chồng quyết định việc làm kinh tế thì được coi là người vợ có tham gia quyết định việc làm kinh tế của gia đình, những trường hợp còn lại được coi là người vợ không tham gia quyết định việc làm kinh tế của gia đình. Khái niệm “làm kinh tế” được hiểu là các hoạt động kinh tế nói chung của gia đình. Phương pháp

phân tích tương quan hai biến được sử dụng để tìm hiểu mô hình quyền quyết định giữa vợ và chồng, phân tích đa biến nhằm phát hiện các yếu tố tác động đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình.

Các biến số

Biến số phụ thuộc

Trong mô hình đa biến, biến số phụ thuộc là: “Người vợ có tham gia vào việc quyết định làm kinh tế của gia đình?” (1 “Có”; 0 “Không”). Tổng mẫu được phân tích trong mô hình đa biến là 183 trường hợp.

Biến số độc lập

Nhằm đo lường sự tác động của yếu tố văn hóa đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình. Các biến số người quản lý tiền chung của gia đình và quan điểm ai nên là người ra quyết định đối với công việc sản xuất/kinh doanh của gia đình, được đưa vào mô hình hồi quy.

Trong nghiên cứu này các biến số liên quan đến vai trò của yếu tố hiện đại hóa được sử dụng để đo lường sự tác động đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình là học vấn của người chồng; Tình trạng việc làm của người chồng; Độ tuổi của người chồng; Đã từng tham gia các buổi họp/tập huấn/tuyên truyền có nội dung liên quan đến bình đẳng giới.

Để đo lường sự ảnh hưởng của các nguồn lực đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở gia đình. Bài viết dựa trên quan điểm của cách tiếp cận lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối và gợi ý từ các tác giả Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng (2019), các biến số liên quan đến quan hệ tương đối về nguồn lực cá nhân của người vợ và người chồng được xác định là: So sánh trình độ học vấn của người vợ và người chồng; So sánh thu nhập của người vợ và người chồng; So sánh trình độ chuyên môn của hai vợ chồng. Đồng thời, theo nhận định từ nghiên cứu của Phạm Thị Huệ (2008) và Lê Ngọc Văn cùng cộng sự (2002) thì những phụ nữ ở độ tuổi càng lớn thì tỷ lệ giữ vai trò quyết định càng cao trong lĩnh vực sản xuất ở khu vực nông thôn, bài viết xây dựng biến số “So sánh tuổi của hai vợ chồng”.

4. Sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình dân tộc Chăm và các yếu tố ảnh hưởng

Mẫu hệ của người Chăm luôn đi đôi với vai trò rất quan trọng của đàn ông (Lý Tùng Hiếu, 2012). Kết quả của cuộc nghiên cứu này cũng cho thấy trong gia đình người Chăm thứ bậc về người quyết định chính việc làm kinh tế của gia đình được sắp xếp theo thứ tự, vị trí thứ nhất thuộc về vợ chồng

cùng nhau bàn bạc và cùng nhau quyết định. Vị trí thứ hai thuộc về người chồng. Vị trí cuối cùng thuộc về người vợ. Có thể thấy, tỉ lệ người vợ là người quyết định chính trong hoạt động làm kinh tế của gia đình là không đáng kể. Vậy trong quá trình ra quyết định việc làm kinh tế của gia đình sự tham gia của người vợ như thế nào? Để trả lời câu hỏi này, tác giả đã xây dựng biến “Người vợ có tham gia vào việc quyết định làm kinh tế của gia đình?” dựa trên câu hỏi “Trong gia đình phụ nữ hay nam giới là người quyết định chính việc làm kinh tế” những trường hợp người vợ là người quyết định chính và người vợ cùng chồng quyết định được coi là người vợ có tham gia trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình, các trường hợp còn lại được mặc định là người vợ không tham gia trong hoạt động này. Số liệu cho thấy, 65,2% người trả lời khẳng định trong gia đình người vợ có tham gia vào việc quyết định làm kinh tế.

So sánh tỉ lệ người trả lời khẳng định trong hoạt động kinh tế của gia đình người vợ có tham gia quyết định ở Bảng 1, kết quả cho thấy đại đa số người Chăm tham gia cuộc khảo sát này đều khẳng định trong hoạt động làm ăn kinh tế của gia đình đều có sự tham gia của người vợ. Theo như lời kể của nam nông dân thì nguyên nhân khiến hai vợ chồng ông cùng bàn bạc việc làm kinh tế là do nếu quyết mà không có sự bàn bạc với vợ sau này công việc không thuận lợi vợ sẽ trách và ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng: *“Nói chung việc lớn (việc mua máy cày) như vậy thì vợ chồng nên bàn bạc kỹ với nhau để đi đến thống nhất ý kiến, để nhớ có gì thì hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm, lỗi phải trả nợ thì hai vợ chồng cùng trả. Không bàn bạc kỹ và thống nhất ý kiến sau trả nợ bà ấy lại bảo do ông tự ý làm thì giờ ông đi trả họ, thế có phải mất tình cảm vợ chồng đi không, mà mình làm kinh tế là làm cho vợ con hưởng chứ đâu phải cho riêng gì bản thân mình đâu”* (Nam sinh năm 1960, nông nghiệp, học vấn 10/12, Ninh Thuận. Nguồn: Dữ liệu khảo sát của Đề tài Cơ sở 2020 “Quyền quyết định của phụ nữ và nam giới trong gia đình dân tộc Chăm ở Ninh Thuận”).

Có một xu hướng rõ ràng rằng thời gian tham gia các buổi tập huấn/tuyên truyền về bình đẳng giới của người vợ hoặc người chồng càng gần thời gian khảo sát thì tỷ lệ khẳng định người vợ có tham gia trong việc quyết định làm kinh tế càng cao.

Quan điểm về người nên quyết định việc sản xuất/kinh doanh của gia đình tỉ lệ thuận với tỉ lệ người vợ có tham gia quyết định việc làm kinh tế trong gia đình. Điều đó có nghĩa là, tỉ lệ người vợ có tham gia quyết định việc làm kinh tế ở những gia đình mà người vợ/chồng cho rằng trong gia đình người vợ/hai vợ chồng cùng tham gia quyết định việc sản xuất kinh doanh cao hơn so

với tỉ lệ này ở những gia đình mà người trả lời cho rằng người chồng nên là người quyết định việc sản xuất kinh doanh của gia đình.

Bảng 1. Tỉ lệ người trả lời khẳng định có sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình chia theo các yếu tố (%)

Biến độc lập	Người vợ có tham gia quyết định việc làm ăn kinh tế của gia đình	N
Tuổi của chồng		
30 trở xuống	66,7	14
31 - 40 tuổi	71,0	49
41 - 50 tuổi	64,5	40
51 tuổi trở lên	54,3	19
Học vấn của chồng		
Tiểu học trở xuống	59,1	26
Trung học cơ sở	72,9	43
Trung học phổ thông	63,1	53
Nghề nghiệp của chồng		
Nông nghiệp	61,5	48
Phi nông nghiệp	67,0	71
So sánh tuổi vợ và chồng		
Chồng ít hơn vợ 4 tuổi trở xuống, bằng hoặc ít hơn	65,3	98
Chồng ít hơn vợ từ 5 tuổi trở lên	64,9	24
So sánh học vấn vợ và chồng		
Chồng hơn	60,9	42
Vợ hơn	71,4	15
Bằng nhau	67,0	65
So sánh trình độ chuyên môn của vợ và chồng		
Chồng hơn	56,7	17
Vợ hơn	90,9	10
Bằng nhau	65,1	95
So sánh thu nhập của vợ và chồng		
Chồng hơn	60,4	67
Vợ hơn	58,3	7
Bằng nhau	74,2	46
Quan điểm về người quyết định việc sản xuất/ kinh doanh***		
Chồng	43,4	23
Vợ	50,0	4
Cả hai	75,4	95
Người quản lý tiền chung của gia đình		
Chỉ chồng/chủ yếu là chồng	33,3	3
Chỉ vợ/chủ yếu là vợ	68,0	66
Cả hai	65,0	52
Tham gia tập huấn/ buổi tuyên truyền/ buổi họp về bình đẳng giới		
Chưa từng tham gia	59,5	66
Trước năm 2017	70,7	29
2017-2018	77,1	27

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$
 Nguồn: Số liệu khảo sát của Đề tài CTDT 21.17, 2018-2019.

Người vợ tham gia vào việc quyết định xây dựng kinh tế của gia đình nhiều hơn khi nghề nghiệp của người chồng là phi nông nghiệp. Chênh lệch tuổi giữa hai vợ chồng càng cao thì sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế càng giảm.

Khi người vợ có một trong các đặc điểm như học vấn cao hơn chồng, trình độ chuyên môn cao hơn chồng, là người quản lý tiền chung của gia đình thì sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế trong gia đình cao hơn các nhóm còn lại.

Kết quả Bảng 1 cho thấy có sự khác biệt về tỉ lệ sự tham gia của người vợ đối với việc quyết định làm kinh tế trong gia đình ở các nhóm tuổi, học vấn của chồng, tuy nhiên xu hướng không thật rõ ràng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, việc người vợ có thu nhập cao hơn chồng điều đó cũng không làm tăng sự tham gia của người vợ trong việc quyết định xây dựng kinh tế của gia đình.

5. Các yếu tố tác động đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở gia đình dân tộc Chăm

Để đánh giá rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình, bài viết tập trung phân tích mô hình hồi quy đa biến với biến số phụ thuộc “Người vợ có tham gia vào việc quyết định làm kinh tế của gia đình?” (1 “Có”; 0 “Không”), đặc trưng cho xu hướng biến đổi tích cực về bình đẳng giới trong quyền quyết định việc làm kinh tế của gia đình. Các biến số độc lập đã nêu ở trên được đưa vào mô hình đa biến.

Kết quả phân tích đa biến sử dụng mô hình logistic (Bảng 2) cho thấy, các biến độc lập giải thích được 29% ($R^2 = 0,29$) sự biến thiên của biến phụ thuộc. Trong số các yếu tố đặc trưng cho chỉ báo hiện đại hóa, tuổi của người chồng có ảnh hưởng đáng kể đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình. Khả năng tham gia quyết định việc làm kinh tế của gia đình ở nhóm người vợ có chồng đang trong độ tuổi 31-40 tuổi cao gấp khoảng 3 lần so với nhóm người vợ có chồng đang trong độ tuổi 51 tuổi trở lên. Các yếu tố học vấn của người chồng, nghề nghiệp của người chồng không có tác động đáng kể đến khả năng người vợ tham gia quyết định việc làm kinh tế của gia đình. Tuy nhiên theo dữ liệu định tính, kết quả cho thấy yếu tố học vấn và nghề nghiệp của người chồng có ảnh hưởng đáng kể đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình. Trường hợp NTF122020 là một nữ nông dân, hai vợ chồng chị đều làm nông nghiệp, vào vụ mùa năm ngoái chị đã bàn bạc với chồng là nên sử dụng giống lúa của nhà không nên mua giống vì lúa gặt bán được 6 ngàn/kg trong khi đó lúa giống là 11 ngàn/kg, vậy không có lãi.

Nghe theo lời khuyên của chị, chồng chị đã sử dụng giống lúa của nhà nhưng do giống lúa của nhà không còn tốt nên vụ mùa đó bị rầy ăn và kết quả là mất mùa. Từ đó trở đi chồng chị không cho chị tham gia vào việc lựa chọn giống lúa cũng như lựa chọn phân bón nữa mà chị có nói thì chồng chị cũng không nghe, chị kể: *“Minh thấy gặt lúa mà bán có 6 ngàn/kg mà ông ý đi mua giống là 11 ngàn/kg. Minh thấy uống quá vì mình có bán lúa giống đâu mà chỉ bán lúa tẻ thôi. Chị có ý kiến là bây giờ mình mua lúa tẻ mình gieo đi thì lần đấy ông ấy có nghe chị mua lúa tẻ về gieo, gieo xong bị rầy nó ăn nên mất mùa. Từ đó, chị tham gia là ông không nghe lời chị”* (Nữ 1982, nông nghiệp, học vấn 6/12, Bình Thuận. Nguồn: Dữ liệu khảo sát của Đề tài Cơ sở 2020 “Quyền quyết định của phụ nữ và nam giới trong gia đình dân tộc Chăm ở Ninh Thuận”).

Ở những gia đình có người vợ hoặc người chồng đã từng tham gia tập huấn/buổi tuyên truyền/buổi họp có nội dung liên quan đến bình đẳng giới thì khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở những gia đình này cao hơn đáng kể so với nhóm gia đình mà vợ hoặc chồng chưa từng tham gia tập huấn/ buổi tuyên truyền/ buổi họp có nội dung liên quan đến bình đẳng giới. Tỷ số chênh lệch lần lượt là 0,4 lần và 0,7 lần. Anh NTMX2020 với vị trí là trưởng thôn được tiếp cận nhiều các cuộc họp/tập huấn và các buổi tuyên truyền có nội dung liên quan đến bình đẳng giới vì vậy anh có những hiểu biết rất cụ thể về vấn đề bình đẳng giới, anh cho rằng *“Bình đẳng giới trong quan hệ vợ chồng là mình phải có sự tôn trọng với vợ, vợ cũng phải tôn trọng mình trong tất cả các quyết định lớn nhỏ trong gia đình. Quyết định của mình không được vợ đồng ý nhưng mình vẫn thông qua, mình vẫn bàn bạc. Quyết định của vợ cũng vậy, cũng phải thông qua mình, bàn bạc với mình nếu mình thấy ý kiến của vợ mình đúng hơn, cần thiết hơn thì vợ làm và mình cũng thuận”* nên trước khi quyết định các công việc quan trọng của gia đình nói chung, việc làm kinh tế nói riêng, vợ chồng anh đều phải bàn bạc với nhau, anh nói: *“Trong sản xuất nông nghiệp, mua giống mua phân bản thân quyết định chính vì mình làm mình quen. Nếu mình giao cho vợ thì vợ không rành. Mình làm quen thì biết loại giống nào bạc, loại phân nào tốt cho lúa thì mình quyết định mua. Nhưng phải nói với vợ là mình mua giống đó, phân đó, thuốc đó để làm thời vụ thì vợ cũng thống nhất”*. Và đặc biệt khi vợ anh có ý kiến tham gia thì anh cũng lắng nghe *“Mùa vụ (năm 2019) thì mình bảo giống này tốt, vợ cũng tham gia là thấy bà con ở xã bên kia họ gặt giống đó tốt hơn thì mình cũng lắng nghe và gọi điện sang bên kia hỏi thử. Nói chung cũng phải tham khảo ý kiến của vợ, nếu vợ không có ý kiến gì thì mình làm theo ý của mình. Phải có sự bàn bạc, nếu vợ đúng thì mình theo thôi”* (Nam, 1978, trưởng thôn, nông nghiệp, học vấn 12/12, Bình Thuận. Nguồn: Dữ liệu khảo sát của Đề tài Cơ sở 2020 “Quyền quyết định của phụ nữ và nam giới trong gia đình dân tộc Chăm ở Ninh Thuận”).

Bảng 2. Mô hình hồi quy logistic các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình

Biến số độc lập	Người vợ có tham gia quyết định việc làm ăn kinh tế của gia đình	
	Tỉ số chênh lệch	Số lượng
Tuổi của chồng		
30 trở xuống	3,0	21
31 - 40 tuổi	3,1*	69
41 - 50 tuổi	1,8	60
51 tuổi trở lên (Nhóm đối chứng)	1	33
Học vấn của chồng		
Tiểu học trở xuống	0,6	42
Trung học cơ sở	1,8	58
Trung học phổ thông trở lên (Nhóm đối chứng)	1	83
Nghề nghiệp của chồng		
Nông nghiệp	0,6	78
Phi nông nghiệp	1	105
So sánh tuổi vợ và chồng		
Chồng ít hơn vợ 4 tuổi trở xuống, bằng hoặc ít hơn	2,1	147
Chồng ít hơn vợ từ 5 tuổi trở lên (Nhóm đối chứng)	1	36
So sánh học vấn vợ và chồng		
Chồng hơn	0,8	67
Vợ hơn	1,1	21
Bằng nhau (Nhóm đối chứng)	1	95
So sánh trình độ chuyên môn của vợ và chồng		
Chồng hơn	0,6	29
Vợ hơn	3,7	11
Bằng nhau (Nhóm đối chứng)	1	143
So sánh thu nhập của vợ và chồng		
Chồng hơn	0,4*	109
Vợ hơn	0,3	12
Bằng nhau (Nhóm đối chứng)	1	62
Quan điểm về người quyết định việc sản xuất/kinh doanh		
Chồng	0,2***	53
Vợ	0,3	8
Cả hai (Nhóm đối chứng)	1	122
Người quản lý tiền chung của gia đình		
Chỉ chồng/chủ yếu là chồng	0,3	9
Chỉ vợ/chủ yếu là vợ	1,0	95
Cả hai (Nhóm đối chứng)	1	79
Tham gia tập huấn về bình đẳng giới		
Chưa từng tham gia	0,3*	109
Trước năm 2017	0,6	39
2017-2018 (Nhóm đối chứng)	1	35
Số người trong mẫu		183
R²	0,29	

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,05; ** p< 0,01; *** p< 0,001

Nguồn: Số liệu khảo sát của Đề tài CTDT 21.17, 2018-2019.

Trong số các biến số đo lường tính tương đối về nguồn lực giữa vợ và chồng, sự khác biệt về tuổi, học vấn, trình độ chuyên môn không làm tăng hay giảm đáng kể khả năng tham gia quyết định việc làm kinh tế của gia đình. Yếu tố nổi bật nhất tạo nên sự khác biệt về khả năng tham gia quyết định việc làm kinh tế của người vợ là so sánh thu nhập của vợ và chồng. Người chồng có thu nhập nhiều nhất trong hộ gia đình làm giảm 0,6 lần khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế so với nhóm gia đình mà thu nhập của hai vợ chồng bằng nhau. Như vậy, kết quả này ủng hộ quan điểm của cách tiếp cận phân bổ nguồn lực tương đối.

Dân tộc Chăm có hình thức tổ chức gia đình theo chế độ mẫu hệ - là chế độ trong đó người con gái chủ động trong hôn nhân. Loại hình cư trú sau hôn nhân là cư trú bên nhà vợ. Con cái được tính theo dòng họ bên mẹ. Thông thường thì người đàn ông khi lấy vợ sẽ không có quyền nắm giữ kinh tế của gia đình mình. Bởi vì, tài sản đó hầu như là của bên vợ, người vợ quản lý tài sản chính vì những đặc điểm đó, người đàn ông Chăm sẽ phát triển kinh tế từ vốn, đất đai của người vợ. Họ giữ vai trò chủ đạo trong các hoạt động kinh tế gia đình như làm nông, làm rẫy hay chăn nuôi... (Quảng Đại Tuyên, 2009; Po Dharma, 2015; Đạo Văn Chi, 2016). Có thể thấy người chồng không có quyền nắm giữ kinh tế nhưng họ lại là người làm chính trong các hoạt động kinh tế vì vậy nhiều khả năng họ là người quyết định chính trong hoạt động này. Nhận định trên cũng được thể hiện trong cuộc nghiên cứu này như sau, với các yếu tố đặc trưng cho chiều cạnh văn hóa, điểm nổi bật là mối quan hệ chặt chẽ giữa quan niệm ai nên là người quyết định việc sản xuất/kinh doanh của gia đình với khả năng tham gia quyết định của người vợ trong việc làm kinh tế của gia đình. Những gia đình có người vợ hoặc người chồng cho rằng người chồng nên là người quyết định việc sản xuất/kinh doanh trong gia đình thì sẽ có nhiều khả năng làm giảm sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình.

Vùng đất Ninh Thuận là một vùng có khí hậu khắc nghiệt, khí hậu nắng nóng khô hạn quanh năm nên việc phát triển sản xuất gặp rất nhiều khó khăn, vì thế người phụ nữ Chăm một khi đã nắm giữ tài chính trong tay thì không dám đưa cho các ông chồng đầu tư vào phát triển kinh tế. Họ chỉ dám sử dụng số tiền đó vào trong các nghi lễ, cúng tế hoặc mua vàng bạc cất trong tủ (Quảng Đại Tuyên, 2009). Tuy nhiên, kết quả của cuộc nghiên cứu này cho thấy yếu tố quản lý tiền chung của gia đình không tạo nên sự khác biệt đáng kể về khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình. Có thể mẫu nghiên cứu của cuộc nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào nhóm các gia đình hai thế hệ, đây là các tiểu gia đình dân tộc Chăm được hình thành trên cơ sở một vợ một chồng, sống phần lớn ở ngôi nhà riêng của mình, họ bình đẳng hơn về

kinh tế vì vậy trong một số trường hợp nếu người chồng thấy hoạt động đó là cần thiết thì người chồng sẽ vẫn quyết định cho dù vợ không đồng ý.

6. Kết luận

Nhóm người Chăm trong cuộc nghiên cứu này là các tiểu gia đình, vợ chồng tương đối bình đẳng vì vậy mặc dù người chồng là người làm chính các công việc làm kinh tế của gia đình và là người quyết định chính nhưng trước khi quyết định người chồng vẫn bàn bạc trao đổi với vợ, do đó hầu hết những người vợ trong các gia đình đều tham gia cùng chồng quyết định làm kinh tế. Tuy nhiên, số liệu cho thấy, khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở nhóm gia đình mà tuổi của người chồng trong khoảng 31-40 tuổi và đã từng tham gia các buổi họp/tập huấn/tuyên truyền có nội dung liên quan đến bình đẳng giới cao hơn so với các nhóm còn lại. Và khả năng tham gia quyết định việc làm kinh tế trong gia đình của người vợ giảm khi thu nhập của người vợ thấp hơn chồng và vợ/chồng có quan điểm người chồng nên là người quyết định việc sản xuất/kinh doanh của gia đình. Đồng thời kết quả nghiên cứu cũng thể hiện, không có bằng chứng thống kê để khẳng định học vấn của chồng, nghề nghiệp của chồng, sự chênh lệch về học vấn, thu nhập, tuổi và yếu tố người quản lý tiền chung của gia đình có ảnh hưởng đến sự tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế của gia đình.

Như vậy qua kết quả phân tích chỉ ra rằng, thứ nhất, yếu tố độ tuổi của người chồng có mối liên hệ chặt chẽ với khả năng tham gia quyết định làm kinh tế trong gia đình của người vợ, điều này cho thấy các cặp vợ chồng trẻ có quan hệ bình đẳng hơn trong việc ra quyết định ở gia đình.

Thứ hai là, tác động của yếu tố đồng tình với nhận định “Trong gia đình ai nên là người quyết định việc sản xuất/kinh doanh của gia đình” và yếu tố đã từng tham gia tập huấn/tuyên truyền/buổi họp có nội dung liên quan đến bình đẳng giới tới khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế, cho thấy ảnh hưởng của yếu tố nhận thức/yếu tố văn hóa, do đó truyền thông thay đổi định kiến về vai trò giới là quan trọng trong thúc đẩy vị thế của phụ nữ.

Ba là, ảnh hưởng của thu nhập cho thấy việc thực hiện các chính sách về lao động việc làm cho phụ nữ và trẻ em gái dân tộc Chăm là cần thiết. Bởi lẽ, Ninh Phước là một đơn vị dân cư với phương thức kinh tế thuần nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa gạo, do điều kiện đất đai, khí hậu và tập quán canh tác cùng với đó là việc xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời khiến cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp một bộ phận người dân không có công ăn việc làm điều này đã ảnh hưởng nhất định đến thu nhập và cuộc sống của người dân,

do đó có công việc và thu nhập tốt sẽ giúp cho người phụ nữ nói chung và người vợ nói riêng nâng cao được vị thế của mình trong gia đình và xã hội. Với kết quả này cũng cho thấy sự phù hợp của lý thuyết nguồn lực với nhóm dân tộc thiểu số.

Những lợi thế của người vợ (thu nhập, học vấn, tuổi và quản lý tiền chung của gia đình) trong so sánh với người chồng không làm tăng hay giảm khả năng tham gia của người vợ trong việc quyết định làm kinh tế ở gia đình dân tộc Chăm (Ninh Thuận).

Tài liệu trích dẫn

- Đạo Văn Chi. 2016. Vai trò của nam giới trong chế độ mẫu hệ Chăm. <http://champaka.info/index.php/quandiem/quandiemxahoi/1335-phu>.
- John J. Macionis. 1987. *Xã hội học*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu, Đỗ Thị Bình. 2002. *Số liệu điều tra cơ bản về gia đình Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Lý Tùng Hiếu. 2012. “Nam quyền trong chế độ mẫu hệ ở Việt Nam”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 5 và 6, tr. 96-101.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng. 2019. “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ và chồng đối với các công việc quan trọng của gia đình: Những phát hiện mới từ Điều tra Gia đình”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1, tr. 3-7.
- Nguyễn Hữu Minh. 2020. “Quan niệm của cán bộ và người dân vùng dân tộc thiểu số về quyền quyết định trong gia đình: Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1, tr. 3-15.
- Phạm Thị Huệ. 2008. “Quyền lực vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp Yên Bái, Tiền Giang và Thừa Thiên Huế”. Bài viết trong Trịnh Duy Luân (Chủ biên). *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Po Dharma. 2015. “Chế độ mẫu hệ Chăm nhìn qua tư liệu hoàng gia Champa”. <https://www.nguocham.com/adblog/chế-độ-mẫu-hệ-chăm-nhìn-qua-tư-liệu-hoàng-gia-champa/>.
- Quảng Đại Tuyên. 2009. Phụ nữ Chăm và vấn đề phát triển kinh tế hộ gia đình của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận dưới góc độ Nhân học kinh tế. <https://chamstudies.wordpress.com/2009/12/02/phụ-nữ-va-vấn-dề-phat-triển-kinh-tế-hộ-gia-dinh-của-người-cham-ở-tỉnh-ninh-thuận/>.
- Trần Hạnh Minh Phương. 2017. “Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tập 15, phần D, tr. 96-107.